CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sông Đà 6

Ngày 31/12/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-4.2%**	**0%**

DT thuần
Q4/25
7.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.57| 57.9%
YoY: ▼20.1| -74.1%

LN thuần
Q4/25
-11.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.42| -43.3%
YoY: ▼11.5| -16439%

LN sau thuế
Q4/25
-12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.92| -31.3%
YoY: ▼12.3| -5340%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-123%
YoY: +/-▼ 157%

ROE
2025
-45.5%
YoY: +/-▼ 47.0%

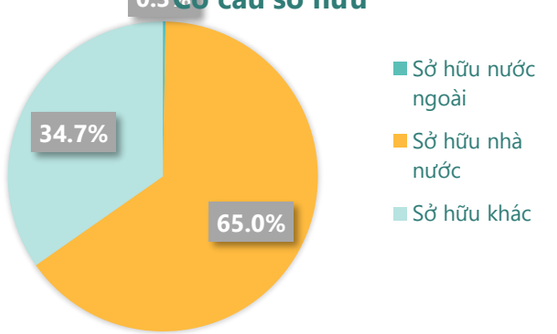
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 3,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	80
Số lượng CPLH (CP)	34,771,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,105
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.28
EPS	-1,928
P/E	-1.2

DT thuần
2025
35.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼57.1| -61.5%

LN thuần
2025
-67.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.2| -52.8%

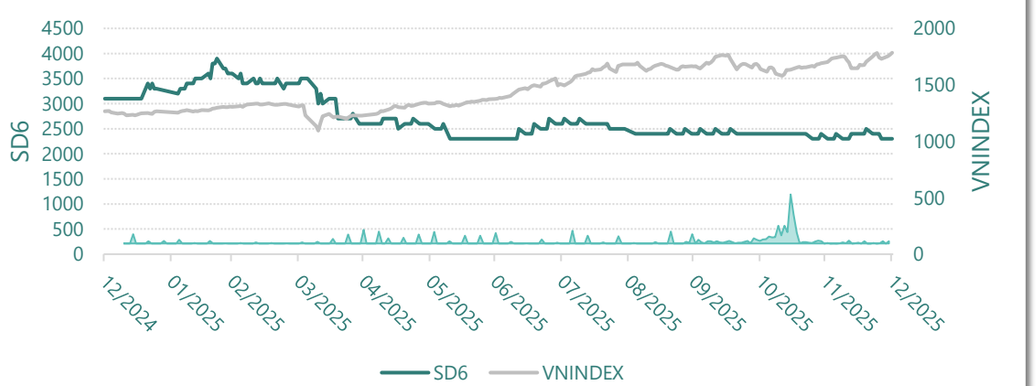
LN sau thuế
2025
-67.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼69.7| -2592%

Cơ cấu sở hữu

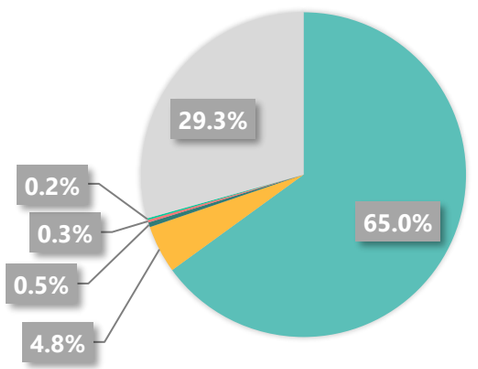


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



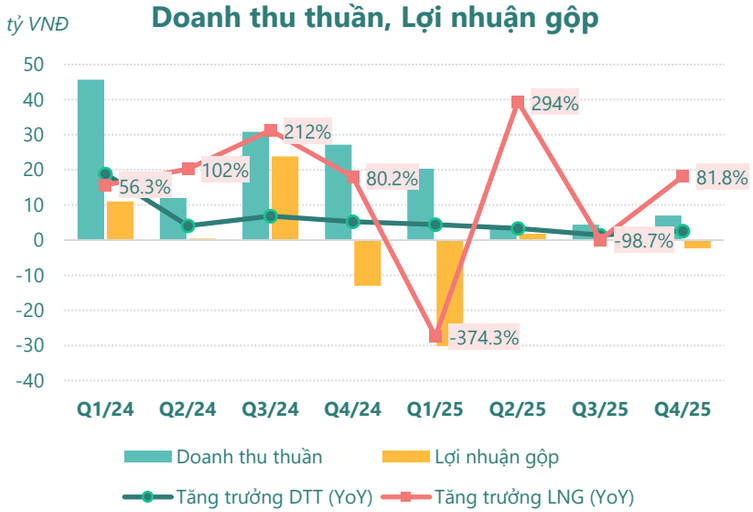
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

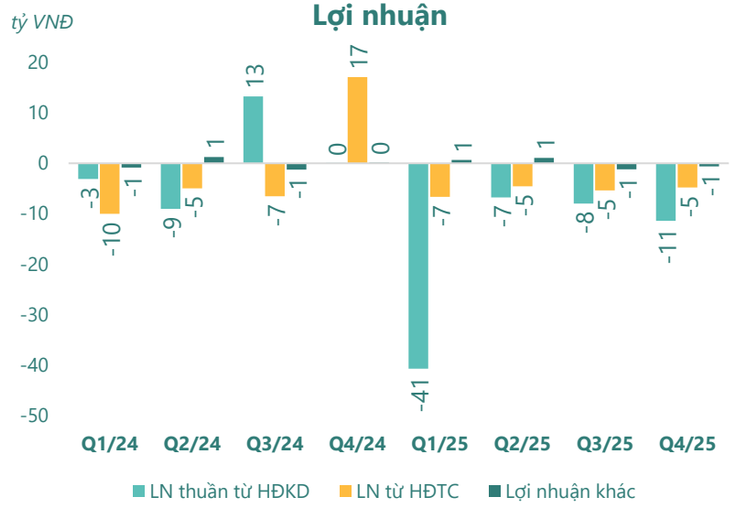
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



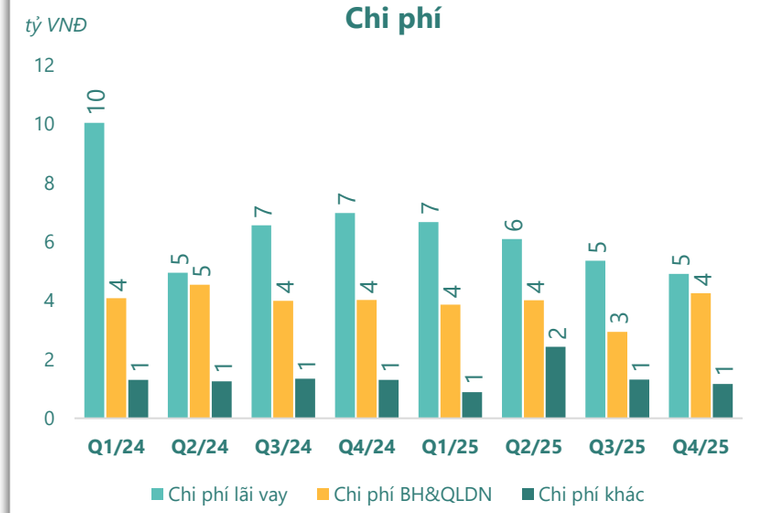
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



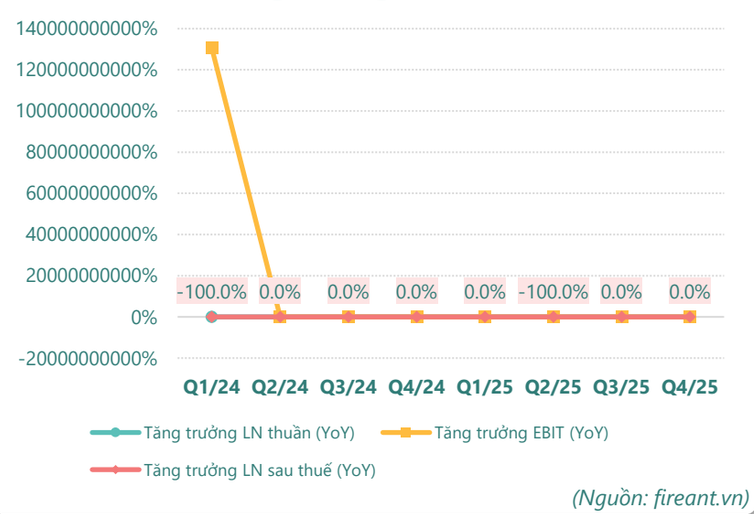
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



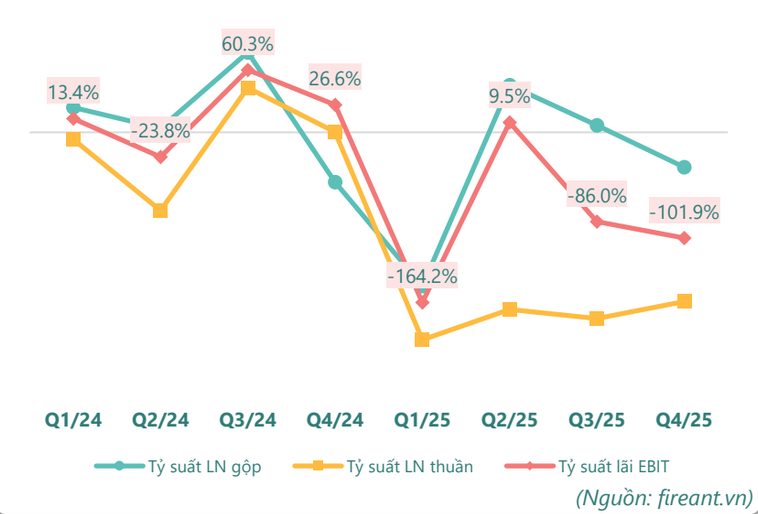
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



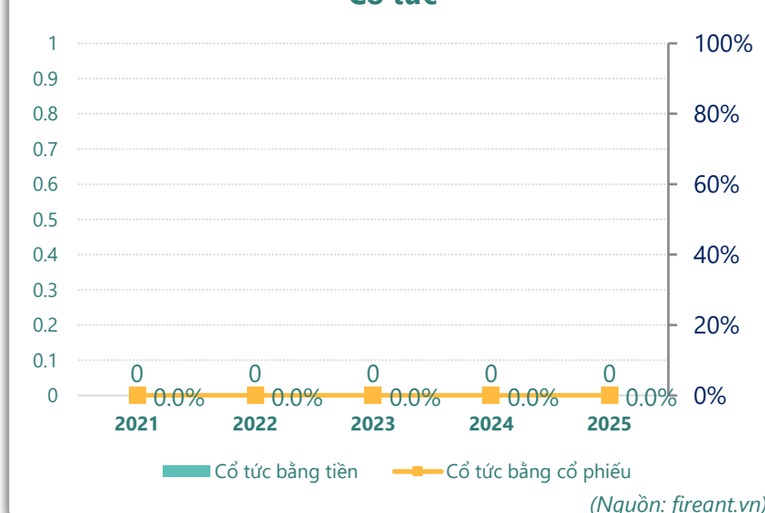
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

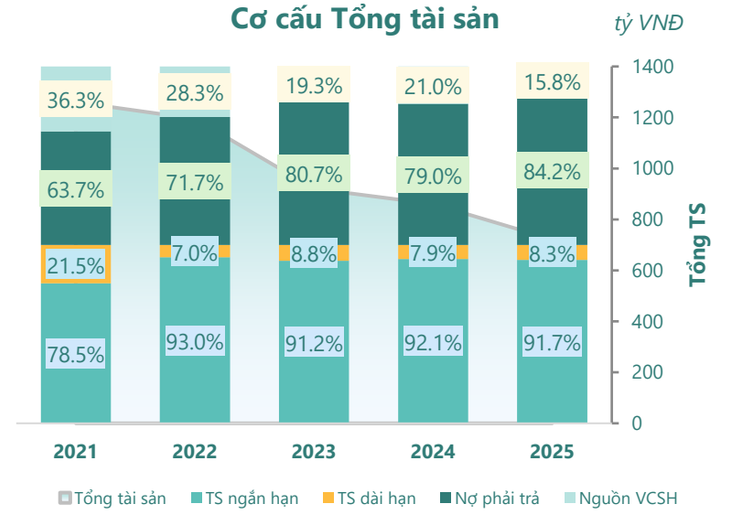
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

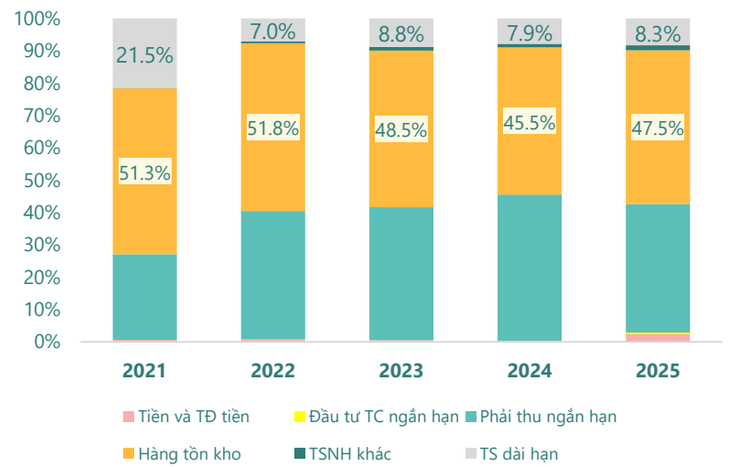
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



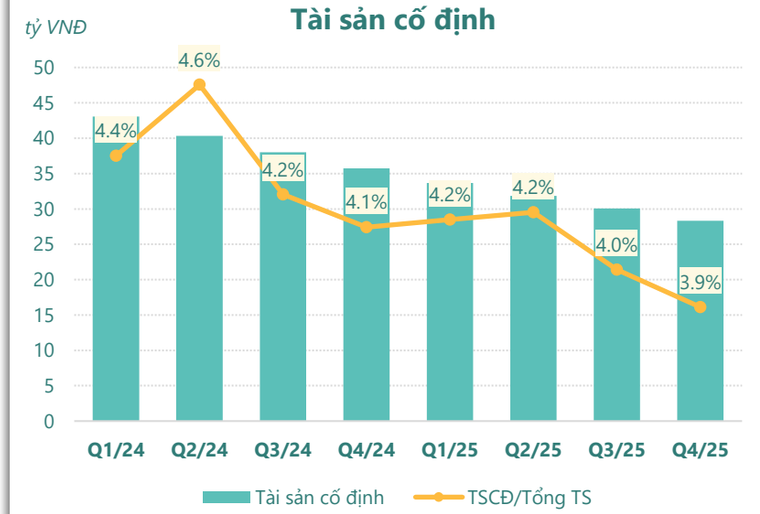
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



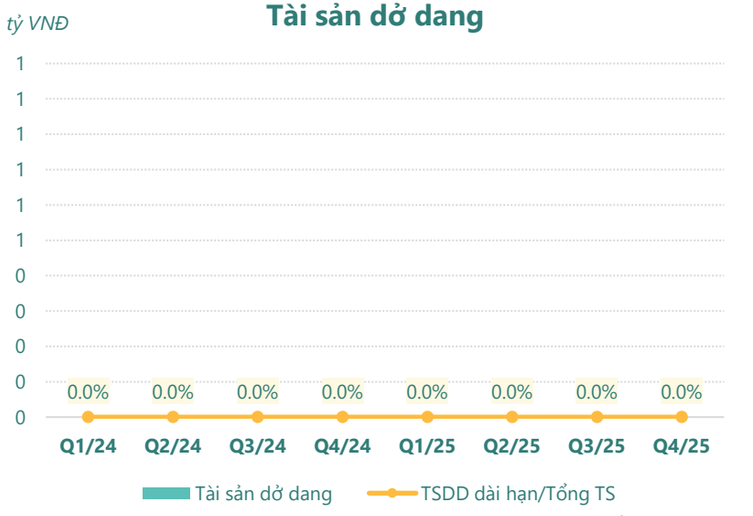
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



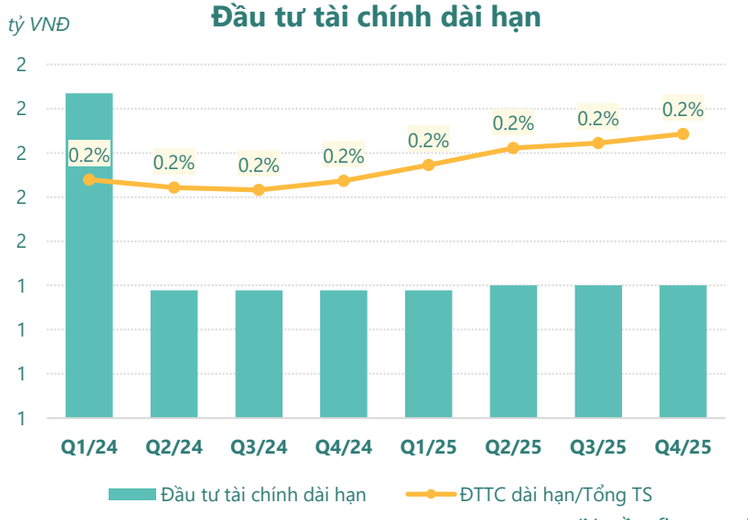
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



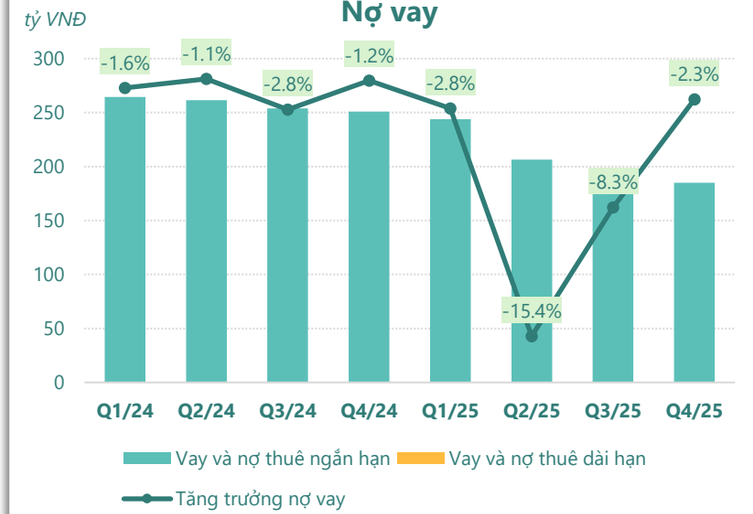
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

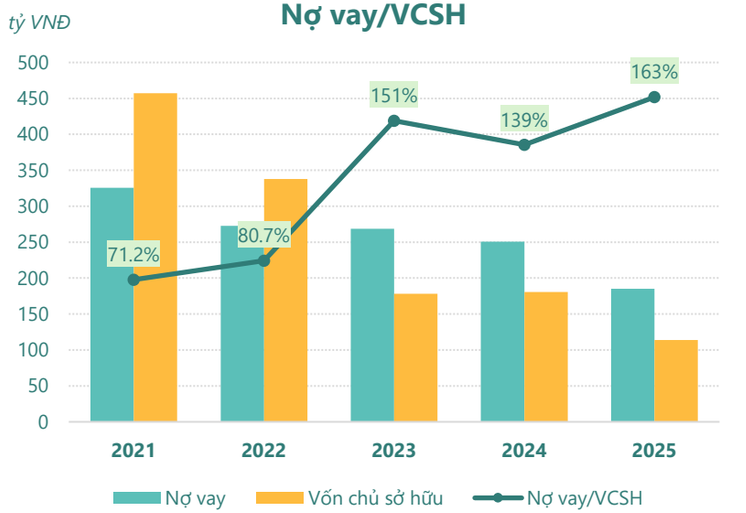
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

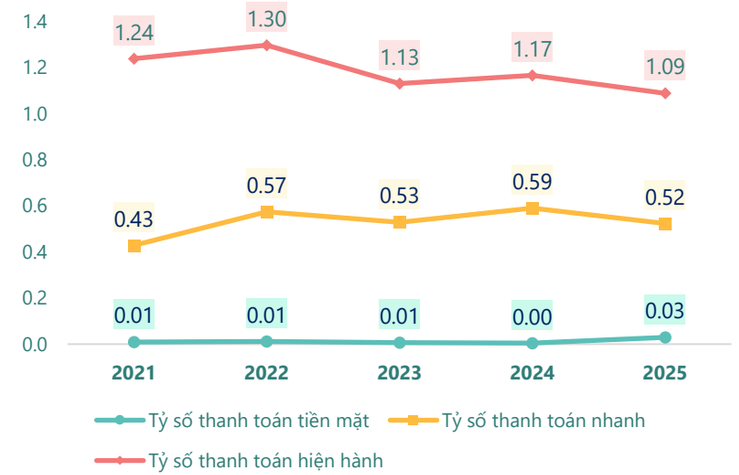
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



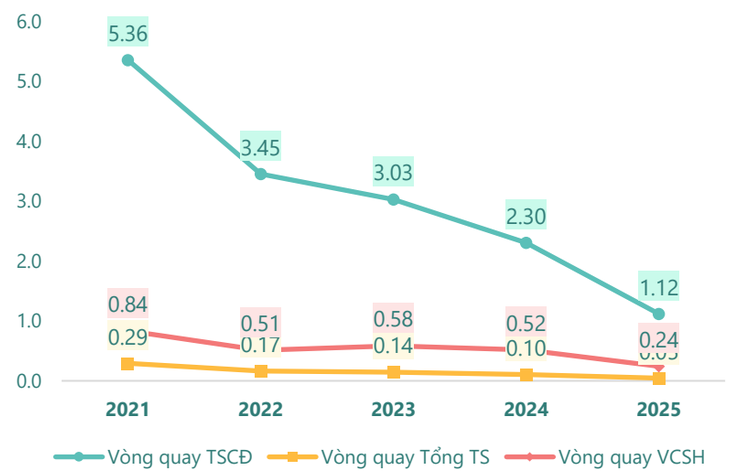
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



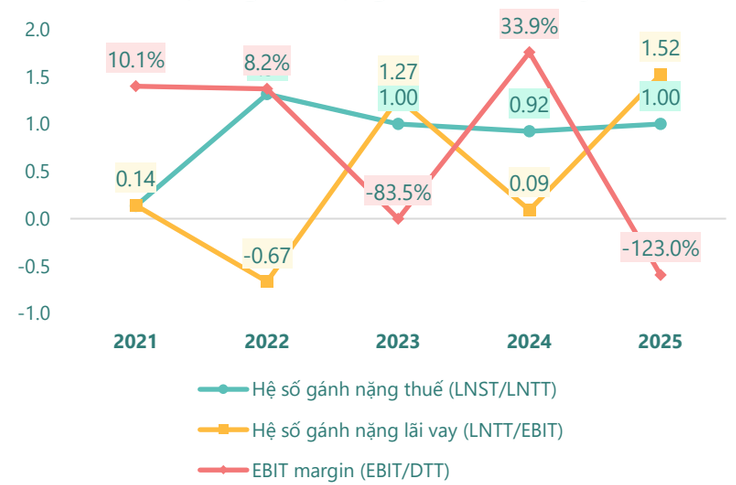
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



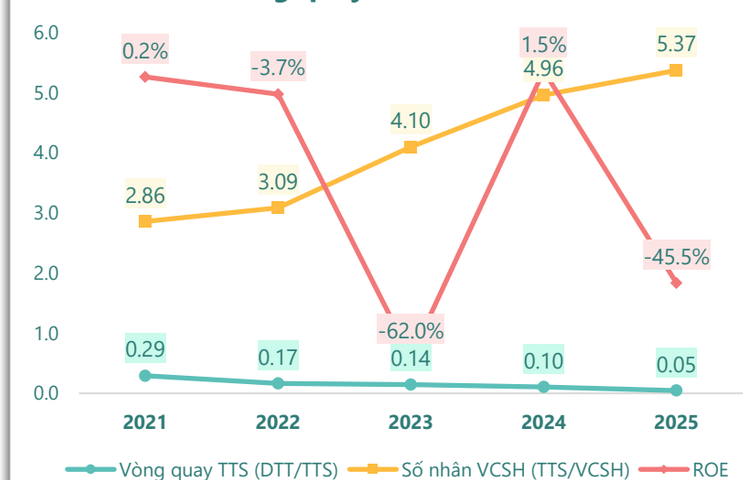
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



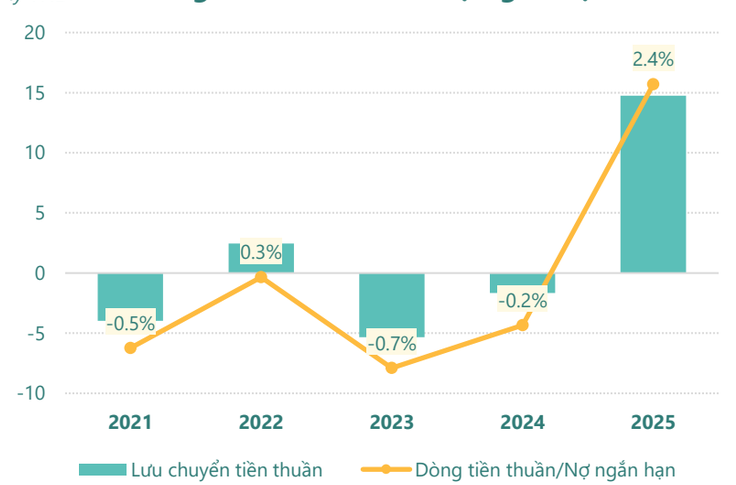
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**7.01**	**27.1**	**-74.1%**	**35.8**	**92.9**	**-61.5%**
Giá vốn hàng bán	9.37	40.2	-76.7%	66.3	93.4	-29.1%
Lợi nhuận gộp	-2.36	-13.0	81.8%	-30.5	-0.51	-5895%
Doanh thu HĐTC	0.37	24.6	-98.5%	2.37	2.37	0.2%
Chi phí TC	5.19	7.46	-30.4%	23.8	29.0	-18.1%
Chi phí lãi vay	4.91	6.98	-29.7%	23.0	28.5	-19.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.25**	**4.02**	**5.8%**	**15.1**	**16.6**	**-9.4%**
LN thuần từ HĐKD	-11.4	0.07	-16439%	-67.0	-43.8	-52.8%
Lợi nhuận khác	**-0.61**	**0.17**	**-461%**	**-0.09**	**46.7**	**-100%**
LN trước thuế	-12.1	0.23	-5340%	-67.0	2.91	-2404%
Lợi nhuận sau thuế	**-12.1**	**0.23**	**-5340%**	**-67.0**	**2.69**	**-2592%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-12.1**	**0.23**	**-5340%**	**-67.0**	**2.69**	**-2592%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.09	2.09	13.2	30.4	24.0	11.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.10	1.32	1.78	0.20	0.03	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.08	-3.32	-7.54	-37.0	-17.0	-4.29
Tiền đầu kỳ	3.64	2.75	3.13	10.5	4.10	11.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.89**	**0.09**	**7.42**	**-6.45**	**6.96**	**6.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.75	2.83	10.5	4.10	11.1	17.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**722**	**860**	**-16.1%**
Tài sản ngắn hạn	661	792	-16.5%
Tiền và tương đương tiền	17.9	3.13	471%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.03	0	
Phải thu ngắn hạn	287	389	-26.2%
Hàng tồn kho	343	391	-12.3%
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	8.92	19.6%
Tài sản dài hạn	**60.2**	**67.8**	**-11.2%**
Phải thu dài hạn	13.7	30.7	-55.2%
Tài sản cố định	28.3	35.7	-20.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.45	1.44	0.4%
Tài sản dài hạn khác	**16.7**	**0.01**	**146320%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	608	679	-10.5%
Nợ ngắn hạn	**608**	**679**	**-10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	185	251	-26.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	102	126	-19.6%
Nợ dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**114**	**181**	**-37.1%**
Vốn chủ sở hữu	**114**	**181**	**-37.1%**
Vốn điều lệ	348	348	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)